TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10-2019
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Giang.

2. Ông Phạm Xuân Trường.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Doãn Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: T6, thị trấn N, huyện G, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: T5, thị trấn N, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt chị N, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2019, bản tự khai ngày 28/8/2019 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Doãn Thị N trình bày: Chị và anh Bùi Văn H tự do tìm hiểu nhau một thời gian sau đó tự nguyện đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/12/2001. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được

khoảng 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khi chị có thai được 02 tháng thì anh H có dự định đi nước ngoài nên vợ chồng đã không giữ lại cái thai, rồi anh H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2004 cho đến nay không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn H.

Tại bản tự khai, đơn xin trình bày cùng ngày 04/9/2019 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn là anh Bùi Văn H trình bày: Anh và chị Doãn Thị N, tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, đã được UBND thị trấn N, huyện G, tỉnh N đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2001. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 tháng thì anh đi lao động tại nước ngoài. Trong thời gian anh đi lao động ở nước ngoài, chị N ở nhà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xét thấy hai bên không còn tình cảm và cũng không thể chung sống cùng nhau được nữa, chị N đề nghị ly hôn, anh không đồng ý, vì chị N đã gây ra nhiều lỗi lầm làm tổn thương tới anh và danh dự của gia đình.

Về con chung: Chị N và anh H khai thống nhất, vợ chồng không có con chung, hiện cả hai đều đã có con riêng nhưng không yêu cầu giải quyết về con riêng.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng nhận khoán của HTX: Chị N và anh H đều khai là không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 10/9/2019, đại diện đoàn thể cũng như đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn N cung cấp: Chị Doãn Thị N và anh Bùi Văn H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2001 tại UBND thị trấn N. Sau đó, vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống cùng nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong thời gian anh H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, chị N ở nhà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn; vợ chồng không có con chung, cả hai bên đều đã có con riêng; vợ chồng không nợ đối với tập thể.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khả năng đoàn tụ không còn, nên có đủ cơ sở để giải quyết ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Doãn Thị N và anh Bùi Văn H đã tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện G, tỉnh N vào ngày 14/12/2001 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 07 tháng thì anh H đi lao động ở nước ngoài. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là trong thời gian anh H đi lao động tại nước ngoài, chị N không chung thủy đã có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay và hiện tại hai vợ chồng đều đã có con riêng với người khác. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị N xin ly hôn anh H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết về con riêng, nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[4] Về tài sản: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Doãn Thị N và anh Bùi Văn H.

2. Về án phí: Chị Doãn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0000433 ngày 22/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND TT N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thanh Lâm